

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29/6/2022

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản và nợ khi ly hôn.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dinh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Khắc Thiện.

2. Ông: Khoàng Văn Hặc.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Phượng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mường Chà tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2021/HNGĐ-ST ngày 19/11/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản và công nợ khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa Số: 02/2022/QĐ-TA, ngày 07 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị H T P - Sinh năm: 1983 – Có mặt.

Địa chỉ: Bản S L1, xã S L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Anh C A S - Sinh năm: 1982 – Vắng mặt có lý do.

Địa chỉ: Bản S L1, xã S L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mường Chà.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 11, thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Việt Dũng – Phó giám đốc – Vắng mặt có lý do.

- Người phiên dịch: Anh Thảo A Chứ - Sinh năm: 1996 - Có mặt.

Địa chỉ: Bản Huổi Toóng I, xã Huổi Lèng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 29/10/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị H T P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh C A S sau khi quen biết nhau, muốn được chung sống với nhau, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương về chung sống với nhau từ năm 2000, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn với nhau. Từ ngày về chung sống với nhau anh chị chung sống hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh Sáng thường xuyên mắng chửi vợ con cũng như thường xuyên đi ra ngoài bỏ bê gia đình, không cùng vợ con làm ăn kinh tế, nuôi dạy con cái. Đến tháng 7/2021 chị Pàng bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở, anh chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị Pàng thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng nghiêm trọng không thể hàn gắn được, vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Chà giải quyết cho chị được ly hôn với anh C A S.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung. Cháu C T C sinh ngày 21/4/2004 và cháu C T C sinh ngày 04/9/2006. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cả 02 cháu. Do lúc chị nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cháu C T C chưa đủ 18 tuổi, nhưng đến thời điểm Tòa án xét xử vụ án cháu Chàng đã đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Vậy khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cháu C T C cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động, không yêu cầu anh Sáng cấp dưỡng nuôi con cùng với chị. Đối với cháu C T C đã đủ tuổi trưởng thành cháu muốn ở với ai thì tùy cháu, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có những tài sản sau:

- 01 ngôi nhà gỗ 04 gian và 01 gian bếp làm trên diện tích khoảng 150 m² đất xung quanh nhà khoảng 50 m² và đất ao cá bên cạnh khoảng 300 m² đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trị giá khoảng 170.000.000 đồng tại bản S L1, xã S L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

- Trong đơn yêu cầu khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên tại buổi hòa giải ngày 10/5/2022 chị thay đổi ý kiến, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản chung, anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị Pàng giữ nguyên ý kiến về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung.

- Về nợ: Anh chị có nợ 50.000.000 đồng của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà. Số tiền này anh chị vay theo hộ gia đình, chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số nợ mỗi bên trả một nửa là 25.000.000 đồng. Tại buổi hòa giải ngày 10/5/2022 anh chị và người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà là ông Hà Việt Dũng đã thỏa thuận với nhau về người trả nợ cho

ngân hàng là chị Pàng sẽ có trách nhiệm trả toàn số tiền 50.000.000 đồng cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà. Nay chị không có ý kiến gì thay đổi về sự thỏa thuận đó, chị Pàng đồng ý trả toàn bộ số nợ trên.

* Bị đơn anh C A S vắng mặt tuy nhiên tại bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết anh trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị H T P sau khi quen biết, tìm hiểu, anh chị tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương về chung sống với nhau từ năm 2000, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn với nhau. Từ ngày về chung sống với nhau, anh chị chung sống hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống hàng ngày giữa vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung. Thường xuyên xảy ra cãi nhau, hiện anh chị sống ly thân với nhau, nay chị Pàng yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn với chị Pàng.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung: Cháu C T C sinh ngày 21/4/2004 và cháu C T C sinh ngày 04/9/2006. Hiện hai cháu có nguyện vọng ở cùng với mẹ khi anh chị ly hôn. Anh có ý kiến rằng, các cháu muốn ở cùng với ai thì tùy các cháu, nếu các cháu ở cùng với anh, anh sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị Pàng cấp dưỡng nuôi con cùng với anh, nếu các cháu ở cùng chị Pàng, anh cũng không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con cùng với chị Pàng.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có những tài sản sau:

- 01 ngôi nhà gỗ 04 gian và 01 gian bếp làm trên diện tích khoảng 150 m² đất xung quanh nhà khoảng 50 m² và đất ao cá bên cạnh khoảng 300 m², đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trị giá khoảng 170.000.000 đồng tại bản S L1, xã S L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Pàng rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Anh đồng ý về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Pàng, về phần tài sản chung anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh chị có nợ 50.000.000 đồng tiền của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà. Tuy nhiên tại buổi hòa giải ngày 10/5/2022 anh chị và người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà là ông Hà Việt Dũng đã thỏa thuận được với nhau về người trả tiền cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà. Chị Pàng sẽ có trách nhiệm trả cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà số tiền mà anh chị vay là 50.000.000 đồng. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh trình bày, trong quá trình giải quyết vụ án anh đã trình bày đầy đủ, nay anh không có ý kiến gì bổ sung thêm, hay thay đổi ý kiến của anh, anh vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày về sự thỏa thuận giữa các bên vào ngày 10/5/2022.

* Về nguyện vọng của các cháu C T Csinh ngày 04/9/2006 và cháu C T Csinh ngày 21/4/2004, nếu bố mẹ của các cháu ly hôn với nhau các cháu có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ.

* Quá trình xác minh của Tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án TAND huyện Mường Chà tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Pàng và anh Sáng tại Bản S L1, xã S L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên: Chị Pàng và anh Sáng về chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn với nhau. Trong cuộc sống hàng ngày giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, đã sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay. Chị Pàng và anh Sáng hiện đều đang làm ruộng, nương tại địa phương, thu nhập hàng tháng đủ ăn, cả hai anh chị đều có điều kiện nuôi con ngang nhau.

* Người đại diện theo ủy quyền anh Hà Việt Dũng vắng mặt tuy nhiên tại bản trình bày ý kiến cũng như trong quá trình giải quyết anh trình bày:

Hộ gia đình anh C A S và chị H T P có vay ngân hàng theo khế ước vay vốn số: 6300006176 lập ngày 28/4/2017 giữa Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà và hộ vay vốn ông C A S và bà H T P. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà giải quyết: Đối với khoản vay của ông C A S và bà H T P vay chương trình hộ nghèo số tiền vay là 50.000.000 đồng. Kể từ ngày vay cho đến nay anh Sáng và chị Pàng chưa trả cho ngân hàng số tiền gốc, hiện vẫn còn dư nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), vay ngày 28/4/2017, hạn trả nợ ngày 28/4/2022, do đó yêu cầu anh Sáng chị Pàng trả nợ toàn bộ khoản vay trước khi ly hôn, nay đã quá hạn trả nợ, vậy anh yêu cầu chị Pàng và anh Sáng trả nợ cho ngân hàng. Tuy nhiên tại buổi hòa giải ngày 10/5/2022 chị Pàng, anh Sáng và ông Hà Việt Dũng đã thỏa thuận với nhau về người trả nợ cho ngân hàng là chị Pàng sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà số tiền 50.000.000 đồng mà anh chị vay ngân hàng. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Dũng trình bày anh không có ý kiến gì bổ sung thêm, anh giữ nguyên ý kiến trình bày về sự thỏa thuận giữa anh, chị Pàng, anh Sáng tại buổi hòa giải ngày 10/5/2022.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Đồng thời đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 224/BLTTDS năm 2015; Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 58, 69, 70, 71, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H T P và anh C A S. Về con chung đối với cháu C T C sinh ngày 21/4/2004 tính đến thời điểm xét xử cháu đã đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) đề nghị không xem xét giải quyết; giao cháu C A C sinh ngày 04/9/2006 cho chị H T P trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động, anh Sáng không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị Pàng. Về tài sản chung: đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút về chia tài sản chung khi ly hôn. Về nợ: ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về trách nhiệm người trả nợ, chị H T P sẽ có trách nhiệm trả cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà số tiền 50.000.000 đồng.

Về án phí: áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 11; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sơ thẩm có giá ngạch cho chị Pàng và anh Sáng. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Chà theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tư cách của các đương sự: Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị H T P là nguyên đơn, anh C A S là bị đơn. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo ủy quyền là ông Hà Việt Dũng.

[3] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự. Trong quá trình giải quyết anh C A S đã có đơn gửi cho Tòa án, đề nghị Tòa án xin xét xử vắng mặt vì điều kiện hiện tại anh phải đi làm xa nhà, không thể có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết, xét xử vụ án được (đề nghị của anh Sáng được thể hiện tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/6/2022). Người đại diện theo ủy quyền anh Hà Việt Dũng có đơn xin xét xử vắng mặt (đề nghị của anh Dũng được thể hiện tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 22/6/2022). Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đề nghị này của anh C A S và anh Hà Việt Dũng là có cơ sở cần được chấp nhận. Chị H T P có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh C A S và người đại diện theo ủy quyền anh Hà Việt Dũng theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị H T P và anh C A S về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2000, chỉ tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn là có thật. Đến thời điểm chị Pàng có đơn khởi kiện xin ly hôn, mặc dù hai bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng hai bên vẫn không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và

gia đình. Do vậy, việc hai bên chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị H T P có đơn xin ly hôn, nên căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn và tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H T P và anh C A S.

[5] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu C T C sinh ngày 21/4/2004 và cháu C T C sinh ngày 04/9/2006.

Trong quá trình giải quyết chị H T P có nguyện vọng khi ly hôn chị muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho cả 02 cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tuy nhiên tại thời điểm xét xử cháu C T C sinh ngày 21/4/2004 đã đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Tại phiên tòa chị Pàng có ý kiến cháu C T C đã đủ tuổi trưởng thành cháu muốn ở với ai thì tùy cháu. Chị không yêu cầu Tòa giải quyết, khi ly hôn chị có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho cháu C A C cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu anh Sáng cấp dưỡng nuôi con cùng với chị. Trong quá trình giải quyết anh C A S trình bày hiện các cháu đều đã trên 15 tuổi đều đã nhận thức được, các cháu muốn ở ai thì tùy các cháu.

Xét nguyện vọng của cháu Công nếu bố mẹ ly hôn với nhau cháu có nguyện vọng ở cùng với mẹ.

Như vậy nguyện vọng ý kiến trình bày của chị Pàng, anh Sáng và xét nguyện vọng của cháu Công cũng như quá trình xác minh về điều kiện nuôi dưỡng con khi ly hôn thì cần giao cháu C A C cho chị H T P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị Pàng không yêu cầu anh Sáng cấp dưỡng nuôi con cùng với chị. Đối với cháu C T C đã đủ tuổi trưởng thành HĐXX không xem xét giải quyết.

Anh C A S được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình khi có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: Tại biên bản hòa giải 10/5/2022 nguyên đơn chị H T P rút một phần yêu cầu khởi kiện (không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung) bị đơn anh C A S đồng ý, anh Sáng và chị Pàng sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX xét thấy nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX xét thấy cần chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về công nợ: Hộ gia đình anh C A S và chị H T P có vay ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà theo khế ước vay vốn số 6300006176 lập ngày 28/4/2017, vay chương trình hộ nghèo số tiền vay là 50.000.000 đồng. Ngày vay, ngày 28/4/2017, hạn trả nợ ngày 28/4/2022, Mặc dù đã đến hạn trả nợ nhưng anh Sáng, chị

Pàng chưa trả cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà. Tại buổi hòa giải ngày 10/5/2022. Chị H T P, anh C A S và người đại diện theo ủy quyền ông Hà Việt Dũng đã thỏa thuận về việc người trả nợ. Chị H T P sẽ có trách nhiệm trả số tiền vay 50.000.000 đồng cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà. Tại phiên tòa Chị H T P không có ý kiến gì thay đổi về sự thỏa thuận trên. Anh C A S và ông Hà Việt Dũng vắng mặt tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt các anh đều trình bày giữ nguyên ý kiến của các anh trong buổi hòa giải ngày 10/5/2022.

Việc thỏa thuận của các đương sự ở trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái đạo đức xã hội, đúng quy định pháp luật cần được chấp nhận.

[8] Ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về án phí: Chị H T P và anh C A S là đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ. Áp dụng khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Pàng và miễn toàn bộ án phí dân sự sơ có giá ngạch cho anh Sáng, chị Pàng. Ngân hàng chính sách xã hội cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác nên cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 71; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, các Điều 58, 69, 70, 71, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

* Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H T P và anh C A S.

2. *Về con chung:* Giao cháu C A C sinh ngày 04/9/2006 cho chị H T P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị Pàng không yêu cầu anh Sáng cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

Anh C A S được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. *Về tài sản chung:* Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung.

4. *Về nợ*: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại buổi hòa giải ngày 10/5/2022 giữa nguyên đơn chị H T P, bị đơn anh C A S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà, người đại diện theo ủy quyền là ông Hà Việt Dũng. Chị H T P phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà số tiền 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án khoản tiền trên thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi số tiền chậm trả theo lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 11; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí DSST cho chị H T P. Miễn toàn bộ án phí dân sự thẩm có giá ngạch cho chị Hàng Thị Pàng và anh C A S. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

* Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị H T P có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/6/2022). Bị đơn anh C A S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện MC;
- Chi cục THADS huyện MC;
- TA tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Dinh